

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

NGUYỄN VIỆT BẮC

**QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC
ĐẠI HỌC TRỰC THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG**

Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng

Mã số: 9.34.02.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2022

**Công trình được hoàn thành
tại Học viện Tài chính**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Trọng Nhân

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Phản biện 3:

.....

**Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án
cấp Học viện, họp tại Học viện Tài chính**

Vào hồi giờ....., ngày..... tháng..... năm 2022

**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Tài chính**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài Luận án

Đối với mỗi Quốc gia, tài sản công là một loại tài sản chung thuộc sở hữu toàn dân. Các loại tài sản công được sử dụng với những mục đích và nhiệm vụ quan trọng trong việc phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng tại địa phương và đóng góp vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển chung của quốc gia. Việc quản lý tài sản công cũng rất quan trọng trong quản lý tài chính và mang lại ý nghĩa thiết thực.

Tài sản công các cơ sở GDĐH công lập là tiền đề, là yếu tố vật chất để Nhà nước có thể tổ chức thực hiện các mục tiêu giáo dục - đào tạo đề ra. Nguồn kinh phí ban đầu của các cơ sở GDĐH công lập được Nhà nước cấp bằng nguồn vốn NSNN, do vậy công tác quản lý TSC tại các cơ sở GDĐH công lập cần đảm bảo quản lý chặt chẽ các khoản kinh phí bằng nguồn NSNN; đồng thời đảm bảo cơ chế quản lý các khoản kinh phí bằng nguồn kinh phí khác tại các cơ sở GDĐH công lập vừa tạo tự chủ, vừa bảo đảm cung cấp các dịch vụ về giáo dục và đào tạo phục vụ cho phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội.

Tài sản công trong các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Quốc phòng giữ vai trò quan trọng, quyết định đến chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của các nhà trường, học viện. Giá trị tài sản công tại các đơn vị này khá lớn, hầu hết được đầu tư từ ngân sách nhà nước, tuy nhiên, việc quản lý các tài sản này đến nay còn nhiều bất cập, dẫn đến hiệu quả sử dụng thấp.

Từ đó, tác giả chọn đề tài: *“Quản lý tài sản công tại các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Quốc phòng”* làm đề tài nghiên cứu luận án Tiến sỹ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài “Quản lý Tài sản công tại các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Quốc phòng” là một phần quan trọng trong đề tài nghiên cứu.

Quá trình phân tích tổng quan chia thành hai nhóm các nghiên cứu (1) các nghiên cứu trong nước; (2) các nghiên cứu ở nước ngoài. Ngoài ra, khi

phân tích đánh giá sơ bộ các nghiên cứu này cần phải sắp xếp theo trình tự logic về thời gian. Trong mỗi nghiên cứu, mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu được chỉ rõ, luận án phải đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu nghiên cứu hay không, để từ đó xác định các khoảng trống cần nghiên cứu tiếp theo.

Các công trình nghiên cứu ở trong và ngoài nước mà luận án nghiên cứu đã có những đóng góp hết sức ý nghĩa khoa học về mặt lý luận và thực tiễn, các kết quả nghiên cứu hầu hết tập trung vào một số nội dung chính sau:

Một là, hầu hết các nghiên cứu đã hệ thống hóa những vấn đề cơ bản về TSC và quản lý TSC như: khái niệm, đặc điểm, phân loại TSC; nội dung quản lý TSC và các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý TSC tại các cơ quan, đơn vị.

Hai là, cơ bản các nghiên cứu đều phân tích đặc điểm, mô hình, công cụ và cơ chế, chính sách quản lý TSC ở Việt Nam nói chung và tại một số loại hình cơ quan, đơn vị cụ thể.

Ba là, các nghiên cứu dạng như đề tài, luận văn, luận án, đều giới thiệu kinh nghiệm về quản lý TSC ở một số quốc gia trên thế giới có mô hình và các giải pháp quản lý TSC được đánh giá là hiệu quả như Anh, Mỹ, Pháp, Ustralia, Trung Quốc.

Bốn là, các công trình nghiên cứu đều đánh giá rõ thực trạng quản lý TSC nói chung và quản lý TSC trong đơn vị HCSN hoặc ĐVSN hoặc các trường đại học thuộc khu vực công lập nói riêng ở Việt Nam trong thời gian qua.

Bên cạnh những giá trị về mặt lý luận và thực tiễn mà các công trình nghiên cứu nêu trên đã đạt được, quản lý TSC tại các cơ sở giáo dục trực thuộc Bộ Quốc phòng là vấn đề phức tạp cần được nghiên cứu, hoàn thiện để phù hợp với những yêu cầu của thực tiễn, riêng đối với đề tài “Quản lý tài sản công tại các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Quốc phòng” được xác định tập trung nghiên cứu làm rõ một số vấn đề sau:

Một là, kế thừa kết quả nghiên cứu mà các công trình đã công bố đạt được, đề tài tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện một số lý luận cơ

bản về TSC và quản lý TSC trong các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Hai là, nghiên cứu một số kinh nghiệm trong nước và quốc tế về quản lý TSC các cơ sở giáo dục đại học, nhằm rút ra bài học kinh nghiệm để tham khảo cho Bộ quốc phòng Việt Nam.

Ba là, từ những vấn đề lý luận & thực tiễn đã nghiên cứu, luận án sẽ đi sâu phân tích các căn cứ pháp lý, thực trạng quản lý TSC tại các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Quốc phòng trong giai đoạn 2016 - 2020.

Bốn là, trên cơ sở xác định quan điểm hoàn thiện quản lý TSC tại các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc bộ Quốc phòng, luận án đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường quản lý TSC các đơn vị này.

3. Mục tiêu nghiên cứu

3.1. Mục tiêu nghiên cứu

Luận án đề xuất các giải pháp và các kiến nghị nhằm hoàn thiện quản lý tài sản công tại các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Quốc phòng có luận cứ khoa học về lý luận và thực tiễn, có tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay và quá trình đổi mới có chế quản lý tài sản công ở Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa, phân tích làm rõ thêm những vấn đề lý luận về cơ sở giáo dục đại học công lập, tài sản công tại các cơ sở giáo dục đại học công lập và quản lý tài sản công tại các cơ sở giáo dục đại học công lập.

- Tổng hợp, phân tích thực trạng quản lý TSC tại các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Quốc phòng giai đoạn 2016-2020.

- Đề xuất quan điểm, định hướng và các giải pháp hoàn thiện quản lý tài sản công tại các cơ sở GDĐH trực thuộc Bộ Quốc phòng ở Việt Nam trong giai đoạn tới năm 2025.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án nghiên cứu những vấn đề lý luận về quản lý TSC tại các cơ sở giáo dục Đại học công lập và thực tiễn tại các cơ sở giáo dục Đại học trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Quản lý TSC có thể được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau như cơ chế quản lý, bộ máy quản lý... Nghiên cứu trong luận án được tiếp cận từ góc độ quản lý TSC trong nội tại các cơ sở GDDH trực thuộc Bộ Quốc phòng. Do đó, phạm vi nội dung quản lý được xác định là những vấn đề có liên quan đến quá trình quản lý tài sản công bao gồm: hình thành tài sản; khai thác, sử dụng tài sản và kết thúc tài sản. Tài sản ở đây chỉ bao gồm 10 loại TSCĐ hữu hình mà các cơ sở GDDH phải tập hợp báo cáo lên Cục Tài chính/BQP.

Về thời gian nghiên cứu: Thực trạng nghiên cứu trong thời gian 5 năm từ 2016 đến năm 2020 Quan điểm, định hướng và giải pháp đề xuất đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận: Luận án sử dụng nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử trong suốt quá trình nghiên cứu và phân tích các nội dung nghiên cứu của luận án.

Phương pháp nghiên cứu: Luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu là phân tích và tổng hợp. Ngoài ra, luận án còn sử dụng các phương pháp chuyên ngành như thống kê, so sánh, phương pháp chuyên gia, phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp định lượng... Các kết luận của luận án được dựa trên suy luận logic và các số liệu tổng hợp, thu thập được. Tương ứng từng nội dung, luận án sẽ sử dụng những phương pháp nghiên cứu phù hợp.

Phương pháp thu thập số liệu: các số liệu thứ cấp thu thập từ sách, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước liên quan đến quản lý TSC, các công trình nghiên cứu đã được thực hiện, các báo cáo, kết quả đã được công bố từ các cuộc điều tra, kiểm kê tài sản, số liệu nghiên cứu của Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng. Các số liệu sơ cấp thu thập từ điều tra, khảo sát.

Phương pháp phân tích số liệu: Phương pháp so sánh: được sử dụng để phân tích, đánh giá và so sánh số liệu giữa các thời kỳ với nhau, so sánh các chỉ tiêu phản ánh thực trạng. Phương pháp thống kê mô tả: NCS sử

dụng các số bình quân, số tương đối, tuyệt đối, bảng biểu, sơ đồ thể hiện các nội dung được trình bày.

6. Đóng góp mới của luận án

Luận án có những đóng góp mới cả về lý luận và thực tiễn trên những góc độ sau:

Về lý luận: hệ thống hoá, phân tích làm phong phú và rõ thêm một số vấn đề lý luận về cơ sở giáo dục đại học công lập và quản lý TSC tại các cơ sở GDDH công lập như khái niệm và nội hàm của cơ sở GDDH công lập, đặc điểm TSC tại các cơ sở GDDH công lập; khái niệm, nguyên tắc và nội dung của quản lý TSC tại các cơ sở GDDH công lập; các nhân tố chủ quan và nhân tố khách quan ảnh hưởng nhiều nhất đến quản lý TSC tại các cơ sở GDDH công lập.

Về thực tiễn: tổng kết, đánh giá và phân tích, minh chứng rõ những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của thực trạng quản lý TSC tại các cơ sở GDDH trực thuộc Bộ Quốc phòng ở Việt Nam giai đoạn 2016- - 2020 thông qua việc phân tích quá trình vận động của tài sản, từ khâu hình thành, sử dụng, khai thác tài sản đến khâu kết thúc sử dụng tài sản. Đồng thời, luận án cũng phân tích kinh nghiệm quản lý TSC các trường đại học quân đội ở một số quốc gia trên thế giới để rút ra các bài học kinh nghiệm cho Bộ Quốc phòng Việt Nam.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được kết cấu thành 3 chương như sau:

Chương 1: Lý luận cơ bản về quản lý tài sản công tại các cơ sở giáo dục đại học công lập

Chương 2: Thực trạng quản lý tài sản công tại các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện quản lý tài sản công tại các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam

Chương 1

LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CÔNG LẬP

1.1. CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CÔNG LẬP VÀ TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CÔNG LẬP

1.1.1. Cơ sở giáo dục đại học công lập

Cơ sở giáo dục đại học là cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, thực hiện chức năng đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, hoạt động khoa học và công nghệ, phục vụ cộng đồng. Cơ sở giáo dục đại học có tư cách pháp nhân, bao gồm đại học, trường đại học và cơ sở giáo dục đại học có tên gọi khác phù hợp với quy định của pháp luật.

1.1.2. Tài sản công tại các cơ sở giáo dục đại học công lập

1.1.2.1. Khái niệm tài sản công

Tài sản công tại các cơ sở giáo dục công lập là những tài sản mà Nhà nước giao các cơ sở giáo dục công lập (của Nhà nước) trực tiếp quản lý, sử dụng phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. Theo đó, tài sản công tại các cơ sở giáo dục công lập bao gồm: Đất đai (đất sử dụng làm trụ sở làm việc, đất xây dựng cơ sở hoạt động sự nghiệp công); nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất đai (nhà làm việc, nhà kho; nhà, công trình đảm bảo cho các hoạt động sự nghiệp...); các tài sản khác gắn liền với đất đai; các phương tiện giao thông vận tải (ô tô, xe máy, tàu, thuyền...); các máy móc, trang thiết bị, phương tiện làm việc và các tài sản khác. Những tài sản trên đây là cơ sở vật chất cần thiết để tiến hành các hoạt động quản lý nhà nước, các hoạt động sự nghiệp công và các hoạt động xã hội khác. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập không có quyền sở hữu tài sản công mà chỉ có quyền quản lý, sử dụng các tài sản này để thực hiện nhiệm vụ được giao. Các cơ sở giáo dục công lập không được sử dụng vào mục đích cá nhân, kinh doanh, và mục đích khác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác mà phải sử dụng tài sản phải đúng mục đích, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức do Nhà nước quy định.

Trên cơ sở nhận thức về TSC, luận án đưa ra khái niệm tài sản công tại các cơ sở giáo dục công lập: *là tài sản bằng vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản mà Nhà nước giao cho các cơ sở giáo dục công lập quản lý, sử dụng để duy trì hoạt động của bộ máy tổ chức quản lý của cơ sở giáo dục đại học và hoạt động cung cấp dịch vụ công của cơ sở giáo dục công lập.*

1.1.2.2. Đặc điểm của tài sản công tại các cơ sở giáo dục đại học công lập

Nghiên cứu về tài sản công không thể không dựa trên cơ sở khái niệm về tài sản công, đồng thời phải phân tích đúng đắn, đầy đủ về đặc điểm cơ bản của tài sản công; những đặc điểm cơ bản bao gồm:

Thứ nhất, tài sản công phong phú về chủng loại; mỗi loại tài sản có tính năng, công dụng khác nhau và được sử dụng vào các mục đích khác nhau, được đánh giá hiệu quả theo những tiêu thức khác nhau;

Thứ hai, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công lại không phải là người có quyền sở hữu tài sản do đó, nếu không quản lý chặt chẽ sẽ dẫn đến việc sử dụng tài sản lãng phí, thất thoát tài sản.

Thứ ba, tài sản công tại các cơ sở giáo dục công lập được giao cho các ngành, các tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng; do đó, phải có cơ chế quản lý và tổ chức bộ máy quản lý tài sản công cho phù hợp.

Thứ tư, tài sản công tại các cơ sở giáo dục công lập bao gồm: tài sản phục vụ quản lý, tài sản chuyên dùng, tài sản đặc biệt; do đó, cơ chế quản lý và bộ máy tổ chức quản lý tài sản phải phù hợp với loại tài sản này, nhưng phải đảm bảo thống nhất trong toàn bộ cơ chế quản lý tài sản công.

1.1.2.3. Phân loại tài sản công tại các cơ sở giáo dục đại học công lập

- a) Phân loại tài sản công theo thời hạn sử dụng
- b) Phân loại tài sản công theo nguồn gốc hình thành
- c) Phân loại tài sản công theo tính chất, đặc điểm hoạt động của tài sản
- d) Phân loại tài sản công theo đối tượng quản lý, sử dụng tài sản;

1.1.2.4. Vai trò của tài sản công tại các cơ sở giáo dục đại học công lập

Thứ nhất, tài sản công phản ánh tiềm lực cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học công lập

Thứ hai, tài sản công là yếu tố đóng góp quan trọng cho quá trình huấn luyện, đào tạo, nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục đại học công lập.

Thứ ba, tài sản công là nguồn vốn tiềm năng cho đầu tư phát triển

Thứ tư, tài sản công có ý nghĩa đặc biệt với đời sống cán bộ, giáo viên, học viên

1.2. QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CÔNG LẬP

1.2.1. Khái niệm quản lý tài sản công tại các cơ sở giáo dục đại học công lập

Quản lý TSC các cơ sở GDDH công lập là sự tác động của bộ máy quản lý nhà nước đến sự hình thành và vận động của TSC tại các cơ sở GDDH công lập nhằm đảm bảo tài sản công được đầu tư xây dựng, mua sắm, khai thác, sử dụng và thanh lý một cách tiết kiệm, hiệu quả trong quá trình thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được Nhà nước giao.

Khái niệm này bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, đối tượng quản lý là các TSC được Nhà nước giao cho các cơ sở GDDH công lập quản lý, sử dụng trong quá trình các đơn vị này thực thi nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học;

Thứ hai, chủ thể quản lý là hệ thống các cơ quan quản lý TSC và các đơn vị quản lý TSC được hình thành tại các cơ sở GDDH công lập được Nhà nước giao quản lý, sử dụng TSC;

Thứ ba, công cụ quản lý TSC tại các cơ sở GDDH công lập là hệ thống cơ chế, chính sách liên quan đến TSC được Nhà nước ban hành dưới dạng văn bản Luật, nghị định, thông tư, quyết định.

Thứ tư, mục tiêu quản lý TSC là đảm bảo TSC tại các cơ sở GDDH công lập được hình thành, sử dụng và xử lý một cách tiết kiệm, hiệu quả nhằm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ mà Nhà nước đã giao cho các cơ sở đào tạo này.

1.2.2. Nguyên tắc quản lý tài sản công

Thứ nhất, thống nhất về cơ chế, chính sách, chế độ quản lý

Thứ hai, thực hiện quản lý và sử dụng tài sản công theo tiêu chuẩn, định mức.

Thứ ba, thực hiện phân cấp quản lý tài sản công

Thứ tư, quản lý tài sản công phải gắn với quản lý ngân sách nhà nước.

1.2.3. Công cụ quản lý tài sản công

Để thực hiện vai trò quản lý của Nhà nước đối với tài sản công, Nhà nước phải sử dụng tổng hợp hệ thống các biện pháp và công cụ để quản lý, bao gồm: hành chính, tổ chức, pháp luật kinh tế, kế toán, thống kê, tuyên truyền giáo dục.

1.2.4. Phân cấp quản lý tài sản công

Nội dung cơ bản của phân cấp quản lý tài sản công là phân định rõ phạm vi, nội dung, quyền hạn, trách nhiệm quản lý tài sản công; theo đó, phân cấp

quản lý tài sản công bao gồm hai nội dung cơ bản: (1) là phân cấp về việc xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách, chế độ quản lý tài sản công; (2) là phân cấp về quản lý nhà nước đối với tài sản công (quyền hạn, trách nhiệm quản lý tài sản công).

1.2.5. Nội dung quản lý tài sản công tại các cơ sở giáo dục đại học công lập

1.2.5.1. Quản lý quá trình hình thành tài sản

a. Đối với tài sản hình thành thông qua đầu tư xây dựng

Đối với tài sản thuộc các cơ sở giáo dục công lập, việc quyết định chủ trương đầu tư tài sản phải căn cứ vào định mức, tiêu chuẩn sử dụng tài sản (trang bị), chế độ quản lý tài sản, nắm vững khả năng và nhu cầu cần đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản của từng đơn vị; xác định nhu cầu vốn cho đầu tư mua sắm tài sản được ghi vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm. Sau khi có chủ trương đầu tư, mua sắm tài sản, việc thực hiện đầu tư, mua sắm tài sản phải được thực hiện theo quy định về đầu tư và xây dựng, quy định về mua sắm tài sản công.

b. Đối với các tài sản được hình thành thông qua mua sắm

- Lập kế hoạch mua sắm tài sản
- Thẩm định và quyết định dự toán mua sắm tài sản
- Thực hiện mua sắm và thanh, quyết toán

c. Đối với tài sản hình thành do bàn giao, điều chuyển

Căn cứ biên bản bàn giao và các tài liệu khác liên quan đến tài sản, cơ sở GDĐH trong quân đội tiến hành lập hồ sơ về tài sản (gồm các thông tin: nguyên giá, năm đưa vào sử dụng, giá trị đã hao mòn, giá trị còn lại, hiện trạng tài sản...) làm cơ sở ghi chép sổ sách quản lý tài sản, hạch toán kế toán theo quy định, làm cơ sở cho việc bố trí khai thác, sử dụng, duy tu, bảo dưỡng tài sản.

1.2.5.2. Quản lý quá trình khai thác, sử dụng tài sản công

Quá trình khai thác, sử dụng tài sản công là quá trình diễn ra hết sức phức tạp; thời gian khai thác, sử dụng tùy thuộc đặc điểm tính chất, độ bền của mỗi loại tài sản; quá trình này đều được thực hiện bởi tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao trực tiếp quản lý khai thác, sử dụng tài sản.

1.2.5.3. Quản lý tài sản công khi kết thúc quá trình sử dụng

Một tài sản công khi kết thúc quá trình sử dụng phải được quản lý chặt chẽ để tránh lãng phí, thất thoát tài sản. Khi kết thúc sử dụng tài sản phải thực

hiện đánh giá hiện trạng tài sản cả về vật chất và giá trị tài sản; thực hiện kiểm kê, xác định giá trị hiện tại của tài sản; lập phương án xử lý và thực hiện xử lý theo quy định của Pháp luật.

1.2.5.4. Báo cáo tài sản công

Để quản lý có hiệu quả TSC tại các cơ sở GDDH công lập và giúp các cơ quan quản lý nhà nước có thể nắm được tình hình quản lý, sử dụng TSC các cơ sở GDDH công lập; từ đó, tổng hợp tài sản chung của quốc gia, đồng thời, có phương án đầu tư mới, điều chuyển, xử lý tài sản một cách kịp thời, hiệu quả, các đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công trong các cơ sở GDDH công lập phải thực hiện chế độ báo cáo TSC.

1.2.5.5. Hoạt động kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng tài sản công

Kiểm tra thanh tra là hoạt động rất cần thiết nhằm duy trì thúc đẩy việc quản lý, sử dụng tài sản đúng chính sách, chế độ quản lý, sử dụng tài sản; ngăn chặn mọi hành vi phạm cơ chế, chính sách, chế độ quản lý, vi phạm tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản.

1.2.6. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản lý tài sản công tại các cơ sở giáo dục đại học công lập

1.2.6.1. Chỉ tiêu định tính

1.2.6.2. Chỉ tiêu định lượng

1.3. NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CÔNG LẬP

1.3.1. Nhóm nhân tố chủ quan

1.3.2. Nhóm nhân tố khách quan

1.4. KINH NGHIỆM QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC QUÂN ĐỘI TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC CHO CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG QUÂN ĐỘI VIỆT NAM

1.4.1. Quản lý tài sản công một số cơ sở GDDH quân đội trên thế giới

1.4.1.1. Kinh nghiệm các trường đại học quân đội ở Trung Quốc

1.4.1.2. Kinh nghiệm QL TSC các trường đại học trong quân đội Australia

1.4.1.3. Kinh nghiệm QLTSC các trường đại học trong quân đội ở Canada

1.4.2. Bài học cho các cơ sở giáo dục đại học trong Quân đội ở Việt Nam

Thứ nhất, sử dụng cơ chế thị trường để nâng cao hiệu quả quản lý TSC

Thứ hai, hệ thống thông tin, báo cáo, dữ liệu về TSC được xây dựng đảm bảo cho việc quản lý có hiệu quả, tăng cường trách nhiệm giải trình và tính minh bạch trong quản lý TSC

Thứ ba, nắm lại số lượng, giá trị thông tin về TSC, thực hiện sắp xếp lại để sử dụng có hiệu quả.

Thứ tư, tổ chức tốt khâu thanh lý TSC khi hết khấu hao hoặc không có nhu cầu sử dụng một cách hiệu quả.

Thứ năm, thay đổi phương thức quản lý tài sản, gắn quản lý tài sản với quản lý dự toán ngân sách.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRỰC THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG VIỆT NAM

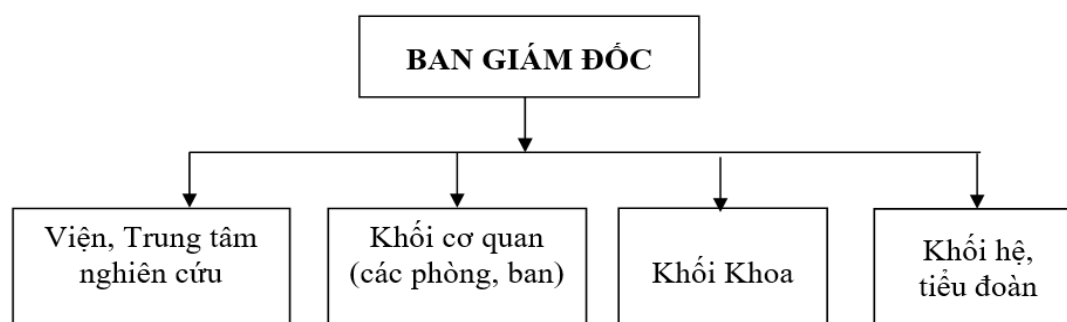
2.1. KHÁI QUÁT VỀ HỆ THỐNG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRỰC THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG

2.1.1. Giới thiệu các học viện trực thuộc Bộ Quốc phòng

Hệ thống các cơ sở GDĐH trực thuộc Bộ quốc phòng có 9 đơn vị đào tạo bao gồm 6 Học viện lớn và 2 Trường Sĩ quan Lục quân, 1 trường Sĩ quan chính trị trực thuộc Bộ Quốc phòng; các học viện, nhà trường còn lại (không trực thuộc Bộ Quốc phòng) được biên chế vào các Tổng cục, Quân - binh chủng và Bộ Tư lệnh Biên phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức các học viện trực thuộc Bộ Quốc phòng

Cơ cấu tổ chức của 6 học viện trực thuộc BQP được chia thành 2 nhóm: nhóm thực hiện chức năng đào tạo và NCKH bao gồm 5 học viện: Học viện Quốc phòng, Học viện Chính trị, Học viện Lục quân, Học viện Hậu cần, Học viện Kỹ thuật quân sự và nhóm thực hiện chức năng đào tạo, NCKH, điều trị là Học viện Quân y.



Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức 5 học viện trực thuộc Bộ Quốc phòng

2.2. THỰC TRẠNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRỰC THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG

2.2.1. Về số lượng tài sản công

Bảng 2.1. Số lượng TSC các cơ sở GDDH trực thuộc BQP, 2016 - 2020

TT	Loại tài sản	2016		2017		2018		2019		2020	
		Số lượng (chiếc)	So với 2015 (%)	Số lượng (chiếc)	So với 2016 (%)	Số lượng (chiếc)	So với 2017 (%)	Số lượng (chiếc)	So với 2018 (%)	Số lượng (chiếc)	So với 2019 (%)
	TSCĐ hữu hình	24,522	3.82	22,601	-7.83	26,052	15.27	28,264	8.49	28,414	9,94
1	Nhà cửa	1,213	0.50	1,226	1.07	1,190	-2.94	1,205	1.26	1,215	9,91
2	Vật kiến trúc	263	6.05	309	17.49	358	15.86	394	10.06	405	
3	Phương tiện VT	615	4.41	639	3.90	654	2.35	675	3.21	679	
4	MMTB văn phòng	18,066	3.79	15,640	-13.43	18,748	19.87	20,355	8.57	20,365	
5	TB truyền dẫn	62	16.98	107	72.58	133	24.30	153	15.04	154	
6	MMTB động lực	74	12.12	71	-4.05	91	28.17	105	15.38	107	
7	MMTB chuyên dùng	3,210	4.59	3,333	3.83	3,920	17.61	4,359	11.20	4,365	
8	TB đo lường, thí nghiệm	411	4.85	603	46.72	685	13.60	696	1.61	699	
9	Cây lâu năm, súc vật làm việc	-	-	1	-	1	-	1	-	-	
10	TSCĐ hữu hình khác	608	3.23	672	10.53	272	-59.52	321	18.01	325	

Nguồn: Báo cáo quản lý, sử dụng TSC các nhà trường & Học viện, 2016 - 2020.

Như vậy, qua sự thay đổi về số lượng TSC tại 9 cơ sở GDDH trực thuộc BQP có thể thấy, nhà cửa, máy móc thiết bị văn phòng, máy móc thiết bị động, máy móc thiết bị chuyên dùng và những loại TSCĐ khác là những loại tài sản có sự biến động nhiều nhất. Qua đây cho thấy, vì số lượng TSC lớn, giá trị cao và nhiều biến động, do vậy quản lý TSC các cơ sở GDDH trực thuộc Bộ Quốc phòng được đặt ra như một yêu cầu mang tính tất yếu.

2.2.2. Về cơ cấu tài sản

Trong số 10 loại TSCĐ tập hợp báo cáo lên Cục Tài chính - BQP thì về cơ cấu số lượng tài sản, máy móc thiết bị văn phòng luôn chiếm tỷ lệ lớn nhất qua các năm trong giai đoạn 2016 - 2020, khoảng 70%; tiếp theo là đến máy móc thiết bị chuyên dùng, chiếm tỷ trọng khoảng 14%; chiếm tỷ lệ thấp nhất trong toàn bộ TSCĐ là thiết bị truyền dẫn và máy móc thiết bị động học.

Bảng 2.2. Cơ cấu số lượng TSC tại các cơ sở GDDH trực thuộc BQP giai đoạn 2016 - 2020

TT	Loại tài sản	2016		2017		2018		2019		2020	
		Số lượng (chiếc)	Cơ cấu (%)	Số lượng (chiếc)	Cơ cấu (%)	Số lượng (chiếc)	Cơ cấu (%)	Số lượng (chiếc)	Cơ cấu (%)	Số lượng (chiếc)	Cơ cấu (%)
	TSCĐ hữu hình	24,522	100	22,601	100	26,052	100	28,264	100	28,379	100
1	Nhà cửa	1,213	4.95	1,226	5.42	1,190	4.57	1,205	4.26	1,215	4.28
2	Vật kiến trúc	263	1.07	309	1.37	358	1.37	394	1.39	405	1.42
3	Phương tiện VT	615	2.51	639	2.83	654	2.51	675	2.39	679	2.89
4	MM TB văn phòng	18,066	73.67	15,640	69.20	18,748	71.96	20,355	72.02	20,365	72.3
5	TB truyền dẫn	62	0.25	107	0.47	133	0.51	153	0.54	154	0.54
6	MM TB động lực	74	0.30	71	0.31	91	0.35	105	0.37	107	0.38
7	MM TB chuyên d	3,210	13.09	3,333	14.75	3,920	15.05	4,359	15.42	4,365	15.8
8	TB đo lường, TN	411	1.68	603	2.67	685	2.63	696	2.46	699	2.51
9	Súc vật làm việc			1		1		1			
10	TSCĐ HH khác	608	2.48	672	2.97	272	1.04	321	1.14	290	1.02

Nguồn: Báo cáo quản lý, sử dụng TSC các CS GDDH trực thuộc BQP 2016-2020

2.3. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRỰC THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG

2.3.1. Phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công

Phân cấp thẩm quyền quyết định về trình tự thủ tục xử lý các TSC là nội dung quan trọng bậc nhất trong quy trình quản lý TSC tại các cơ sở GDDH trực thuộc Bộ quốc phòng. Kết quả khảo sát tại các cơ sở cho thấy: 58.5,5 % các ý kiến đánh giá phù hợp, 24,6 % cho là tương đối phù hợp, và 2,9% đánh giá rất phù hợp, tuy nhiên có đến 14 % các ý kiến đánh giá là chưa phù hợp.

2.3.2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công

* Tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách;

2. Diện tích làm việc của các chức danh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị là diện tích sử dụng được xác định cho một chỗ làm việc.

3. Diện tích làm việc của các chức danh quy định tại Nghị định là diện tích tối đa.

4. Tổng diện tích làm việc của các chức danh được xác định trên cơ sở biên chế, số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc theo định hướng biên chế, số lượng người làm việc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có) tại thời điểm xác định.

* Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị

Các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của BQP, bao gồm các cơ sở GDĐH trực thuộc Bộ quốc phòng phải đảm bảo các nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị như sau: (1) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị quy định tại Thông tư là căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách để mua sắm, trang bị máy móc, thiết bị theo quy định; (2) Tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến theo các chức danh. Trường hợp một người giữ nhiều chức danh thì áp dụng định mức trang bị máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến theo chức danh cao nhất quy định tại Thông tư; (3) Số lượng và mức giá của máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến trang bị cho các chức danh, phòng làm việc của các chức danh và phòng Văn thư bảo mật, phòng Lưu trữ các cơ quan, đơn vị quy định tại Thông tư là mức tối đa cho các chức danh; (4) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại có quy định cụ thể về chủng loại, số lượng, mức giá của máy móc, thiết bị phục vụ công tác quản lý dự án thì thực hiện theo Hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (5) Việc mua sắm, đăng ký, quản lý, kiểm tra an ninh, an toàn trang thiết bị đối với các loại máy móc, thiết bị quy định tại Thông tư thực hiện theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

* Tiêu chuẩn, định mức sử dụng phương tiện vận tải

Sỹ quan có cấp bậc quân hàm là Thiếu tướng, Chuẩn Đô đốc Hải quân được sử dụng xe ô tô để đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc, đi công tác với giá

mua tối đa là 820 triệu đồng/xe. Nghị định cũng quy định cụ thể tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung.

2.3.3. Thực trạng quản lý quá trình hình thành tài sản công

Căn cứ vào các văn bản pháp luật này, Cục Tài chính - BQP có căn cứ bố trí cho đầu tư, mua sắm TSC và giúp cơ quan quản lý nắm lại TSC đang sử dụng trong các cơ sở GDDH; trách nhiệm của Bộ Quốc phòng và các cơ sở GDDH trực tiếp sử dụng TSC trong việc đầu tư, mua sắm, bố trí sử dụng và quản lý các tài sản được Nhà nước giao được xác định rõ ràng. Giai đoạn 2016-2020, Bộ Quốc phòng đã phê duyệt Kế hoạch đầu tư, nâng cấp trang thiết bị đào tạo ngành nhà trường sử dụng ngân sách quốc phòng thường xuyên và NSNN giao đồng thời phân cấp cho các trường trực thuộc Bộ và các đơn vị đầu mối quản lý trường.

Bảng 2.5. Đầu tư trang thiết bị đào tạo cho cơ sở GDDH trực thuộc BQP giai đoạn 2016-2020

TT	Đơn vị	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng cộng
	TỔNG CỘNG	110.554	103.218	159.857	158.816	161.016	763.746
a	TTB chuyên ngành	59.580	51.305	79.820	80.410	81.450	319.115
b	TTB thường xuyên	50.974	51.913	80.037	78.406	80.506	444.631
I	Khối Học viện	56.650	55.448	82.922	79.314	81.014	392.963
a	TTB chuyên ngành	27.190	24.120	40.350	34.350	37.250	189.340
b	TTB thường xuyên	29.460	31.328	42.572	44.964	46.064	203.623
II	Khối nhà trường	53.904	47.770	76.935	79.502	79.902	370.683
a	TTB chuyên ngành	32.390	27.185	39.470	46.060	45.060	212.085
b	TTB thường xuyên	21.514	20.585	37.465	33.442	35.042	158.598

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng TSC các cơ sở GDDH trực thuộc BQP giai đoạn 2016 - 2020

2.3.4. Thực trạng quản lý quá trình khai thác, sử dụng tài sản công

2.3.4.1. Chế độ báo cáo kê khai TS và báo cáo tình hình quản lý, sử dụng TSC

1. Đơn vị được giao quản lý, sử dụng TSCĐ có trách nhiệm báo cáo kê khai đối với tất cả TSCĐ là đối tượng ghi sổ kế toán quy định tại Khoản 1 Điều

13 Thông tư 120/2015/TT-BQP quy định chế độ quản lý, tính hao mòn và chế độ báo cáo TSCĐ là tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý tại các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng.

2. Các cơ sở GDDH trực thuộc BQP thực hiện báo cáo kê khai và cập nhật thông tin kê khai vào cơ sở dữ liệu về TSCĐ của toàn bộ đơn vị cho đến Bộ Quốc phòng đối với những tài sản sau:

a) Nhà, đất; b) Xe ô tô; c) TSCĐ không phải là nhà, đất, xe ô tô có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

Đối với báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ sở GDDH trực thuộc Bộ Quốc phòng:

Nội dung chủ yếu của báo cáo gồm 2 phần:

1. Tình hình quản lý, sử dụng TSCĐ của đơn vị trong kỳ.
2. Kiến nghị các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý, sử dụng TSCĐ và biện pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng TSCĐ.

2.3.4.2. Tính hao mòn và trích khấu hao tài sản cố định

a. Tính hao mòn TSCĐ

+ Các loại TSCĐ không phải tính hao mòn, gồm: TSCĐ đang sử dụng được loại khỏi biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền; TSCĐ bảo quản hộ, giữ hộ, cất trữ hộ Nhà nước; TSCĐ là quyền sử dụng đất; TSCĐ đã tính hao mòn đủ nhưng vẫn còn sử dụng được; TSCĐ chưa tính hết hao mòn mà đã hư hỏng không tiếp tục sử dụng được;

+ Hao mòn TSCĐ được tính mỗi năm 01 lần vào tháng 12, trước khi khóa sổ kế toán hoặc bất thường đối với tất cả TSCĐ hiện có (trừ các TSCĐ quy định tại Điểm a Khoản này) tính đến ngày 31 tháng 12 của năm tính hao mòn;

+ Trường hợp bàn giao, chia tách, sáp nhập, giải thể cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc tổng kiểm kê đánh giá lại TSCĐ theo chủ trương của Nhà nước thì hao mòn TSCĐ được tính tại thời điểm có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b. Trích khấu hao TSCĐ

- Đối với TSCĐ được sử dụng toàn bộ thời gian vào hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ, góp vốn liên doanh, liên kết, đơn vị thực hiện chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao theo quy định áp dụng cho doanh nghiệp.

- Đối với những TSCĐ vừa sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ, góp vốn liên doanh, liên kết; vừa sử dụng vào hoạt động theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị thì thực hiện như sau:

+ Đơn vị tính toán, xác định tổng giá trị hao mòn trong năm của TSCĐ vừa sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ, góp vốn liên doanh, liên kết; vừa sử dụng vào hoạt động theo chức năng nhiệm vụ theo tỷ lệ hao mòn TSCĐ quy định tại Thông tư 120/2015/TT-BQP

+ Căn cứ tình hình sử dụng TSCĐ (thời gian sử dụng, tần suất sử dụng hoặc khối lượng công việc hoàn thành); đơn vị tính toán phân bổ số khấu hao TSCĐ và số hao mòn TSCĐ trong tổng giá trị hao mòn TSCĐ đã xác định

+ Đơn vị thực hiện phân bổ số khấu hao TSCĐ đã đăng ký hạch toán kế toán vào chi phí cung ứng dịch vụ công, chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ cho phù hợp; thực hiện hạch toán kế toán hao mòn TSCĐ đối với số hao mòn đã đăng ký.

2.3.4.3. Bảo dưỡng, sửa chữa tài sản

Thủ trưởng cơ sở GDDH trực thuộc BQP được giao quản lý, sử dụng tài sản quyết định việc bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo kế hoạch và dự toán ngân sách được giao.

2.3.5. Thực trạng quản lý quá trình kết thúc sử dụng tài sản công

a. Thu hồi tài sản

Thủ tướng Chính phủ quyết định thu hồi đối với tài sản gắn liền với đất; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi đối với tài sản còn lại.

b. Điều chuyển tài sản công

Tài sản công tại các cơ sở GDDH trực thuộc BQP được điều chuyển trong các trường hợp: Khi có sự thay đổi về cơ quan quản lý, cơ cấu tổ chức, phân cấp quản lý; Từ nơi thừa sang nơi thiếu theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền quy định; Việc điều chuyển tài sản mang lại hiệu quả sử dụng cao hơn; Đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhưng không có nhu cầu sử dụng thường xuyên; Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

c. Bán tài sản công

- Tài sản công bị thu hồi được xử lý theo hình thức bán;
- Thực hiện sắp xếp lại việc quản lý, sử dụng TSCĐ;
- Tài sản công được thanh lý theo hình thức bán.

d. Thanh lý tài sản công

- Tài sản công hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật;
- Tài sản công chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả;
- Nhà làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2.4. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRỰC THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG

2.4.1. Các kết quả đạt được

Hệ thống cơ chế quản lý TSC các cơ sở GDDH thuộc khối quân đội trong đó bao hàm các trường trực thuộc Bộ Quốc phòng đã bao quát hết các công đoạn từ khâu đầu tư, mua sắm đến quá trình quản lý, sử dụng và cuối cùng là thu hồi, thanh lý những tài sản không có nhu cầu sử dụng hoặc không còn sử dụng được.

Hệ thống cơ chế quản lý TSC đối với các trường quân đội thực sự trở thành cơ sở pháp lý để Nhà nước, Bộ Quốc phòng kiểm tra, giám sát tình hình quản lý, sử dụng TSC các cơ sở GDDH trực thuộc Bộ.

Tài sản công hiện có của các cơ sở GDDH trực thuộc Bộ Quốc phòng cơ bản được sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả.

Tài sản công tại các cơ sở GDDH trực thuộc BQP cơ bản được khai thác và sử dụng đúng mục đích. Ngoại trừ nhà các loại đã được phân tích ở những phần trên, các tài sản còn lại của các cơ sở GDDH trực thuộc BQP được sử dụng đúng mục đích. Như vậy, một trong những yêu cầu và cũng là mục tiêu quản lý TSC các cơ sở GDDH căn bản đã được thực hiện.

Các cơ sở GDDH trực thuộc BQP đã thực hiện tương đối đầy đủ các quy định về quản lý, sử dụng TSC.

2.4.2. Những hạn chế

Một là, Bộ Quốc Phòng chậm ban hành cơ chế chính sách về quản lý TSC theo hướng dẫn của Nhà nước.

Hai là, các tiêu chuẩn, định mức để quản lý TSC tại các cơ sở GDDH trực thuộc Bộ Quốc Phòng còn thiếu nhiều hoặc chưa phù hợp với tình hình thực tế.

Mặc dù đã có quy định chi tiết về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản trong các cơ sở GDDH trực thuộc Bộ Quốc phòng, theo kết quả khảo sát ở các

cơ sở GDDH trực thuộc Bộ Quốc phòng, hiện nay tiêu chuẩn, định mức đáp ứng cho các chức danh hoặc các hoạt động còn thiếu nhiều so với quy định về tiêu chuẩn, định mức, trong đó chủ yếu là tiêu chuẩn, định mức về trụ sở làm việc: 55,1% các ý kiến đánh giá là không phù hợp & rất không phù hợp; chỉ có 44,9 cho là hệ thống các tiêu chuẩn, định mức hiện hành là phù hợp.

Ba là, Bộ Quốc Phòng chưa có cơ chế khuyến khích các cơ sở GDDH khai thác nguồn thu tận dụng nguồn lực dồi dư.

Bốn là, hệ thống cơ sở dữ liệu còn thiếu chưa cập nhật kịp thời

Chưa xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu tài sản trong toàn hệ thống. Để quản lý tốt TSC thì một trong những yêu cầu là phải có hệ thống thông tin đầy đủ. Theo khảo sát thực tế tại các đơn vị, 33,33 % đánh giá là các cơ sở tương đối chủ động cập nhật thông tin dữ liệu và có đến 21,73 % đánh giá chưa chủ động cập nhật thông tin dữ liệu.

2.4.3. Nguyên nhân của hạn chế

2.4.3.1. Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, nhận thức về tầm quan trọng của các hoạt động trong quá trình quản lý, sử dụng TSC của các cơ sở GDDH trực thuộc Bộ Quốc phòng chưa cao. Trong hoạt động tại các đơn vị cơ sở, lãnh đạo, chỉ huy các cơ sở chủ yếu tập trung vào việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao mà chưa quan tâm đến các vấn đề khác.

Thứ hai, trình độ của một bộ phận cán bộ, nhân viên làm công tác tài sản - tài chính trong các cơ sở GDDH trực thuộc Bộ Quốc phòng chưa tốt, khả năng tham mưu, đề xuất về xây dựng, hoàn thiện cơ chế quản lý TSC còn rất hạn chế. Hầu hết các nhà trường và học viện đều chưa chuẩn hóa đội ngũ cán bộ tham gia quản lý TSC, rất nhiều trường hợp kiêm nhiệm, trái chuyên môn nghiệp vụ. Đây cũng là một trong những nguyên nhân chính là giảm hiệu quả quản lý các TSC.

Thứ ba, nhiều khâu trong quá trình quản lý và sử dụng TSC ở các đơn vị cơ sở còn mang nặng tính hình thức, chưa thực sự đảm bảo vai trò trong việc duy trì công năng sử dụng của tài sản dẫn đến việc có những tài sản chưa hết khấu hao đã hỏng hóc, có tài sản dùng liên tục với cường độ cao nên nhanh hỏng.

Thứ tư, chế độ báo cáo tình hình quản lý, sử dụng TSC các cơ sở GDDH trực thuộc BQP chưa được thực hiện tốt. Nhiều cơ sở GDDH trực thuộc Bộ

Quốc phòng chưa thực sự chủ động trong việc cập nhật dữ liệu về tài sản tại đơn vị, gây khó khăn cho cơ quan quản lý để nắm bắt thực tế tài sản của cơ sở GDDH trực thuộc Bộ Quốc phòng. Chế độ báo cáo tài sản của các cơ sở GDDH trực thuộc Bộ Quốc phòng lên các cơ quan quản lý chưa được chủ động thực hiện.

Thứ năm, các cơ sở GDDH trực thuộc BQP mới chỉ mở sổ sách theo dõi kế toán tổng hợp tài sản tại phòng Tài vụ còn việc mở sổ chi tiết theo dõi đối với từng loại tài sản, số lượng, chất lượng, chủng loại tại nơi sử dụng hầu hết đều thực hiện chưa tốt.

Thứ sáu, đặc thù của sản phẩm hoạt động giáo dục đào tạo tại các cơ sở GDDH trực thuộc BQP là tính xã hội hóa không cao, chủ yếu phục vụ nhu cầu sử dụng trong Bộ Quốc phòng. Do đó, nhiều thông tin cần bảo mật ảnh hưởng nhất định đến việc hoàn thiện cơ chế quản lý TSC, đặc biệt là tăng cường công khai, minh bạch trong việc phân bổ, quản lý, sử dụng TSC.

2.4.3.2. Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, cơ quan quản lý tài sản chưa thực sự chủ động trong nghiên cứu, ban hành cơ chế quản lý TSC phù hợp với đặc thù hoạt động giáo dục đào tạo trong các cơ sở GDDH trực thuộc BQP dẫn đến cơ chế quản lý TSC còn thiếu đồng bộ, nhiều quy định về quản lý chưa thực sự phù hợp.

Thứ hai, sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng như Cục Tài chính, Cục Doanh trại, các Tổng cục với các cơ sở GDDH trực thuộc BQP trong xây dựng cơ chế, chính sách về quản lý, sử dụng TSC chưa tốt. Cơ chế quản lý TSC hầu như được xây dựng một chiều: Cục Tài chính xây dựng, ban hành cơ chế, các đơn vị thực hiện, ít tham gia (gần như không tham gia) vào quá trình xây dựng chính sách.

Thứ ba, hệ thống quy định pháp luật (gồm Luật, nghị định của Chính phủ, các loại thông tư hướng dẫn của các Bộ, các loại quyết định của các cơ quan chủ quản) chưa bao quát được tổng thể các loại TSC cũng như quá trình quản lý và sử dụng chúng trong các cơ sở GDDH trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Thứ tư, công tác hạch toán kế toán TSC tại Luật chưa có quy định về việc xây dựng hệ thống thông tin và CSDL về TSC.

Chương 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRỰC THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG VIỆT NAM

3.1. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRỰC THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG

3.1.1. Quan điểm chỉ đạo về phát triển các trường trong quân đội

Một là, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao nhận thức, trách nhiệm đối với nhiệm vụ phát triển giáo dục, đào tạo trong Quân đội.

Hai là, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, xây dựng hệ thống nhà trường Quân đội chính quy, mẫu mực, hiện đại.

Ba là, tích cực đổi mới nội dung, chương trình đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, hướng tới mục tiêu xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

Bốn là, gắn kết chặt chẽ công tác đào tạo với nghiên cứu khoa học, xây dựng một số chuyên ngành mũi nhọn, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Năm là, tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về đào tạo.

3.1.2. Quan điểm chỉ đạo và mục tiêu chiến lược về giáo dục đào tạo đối với các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Quốc phòng đến năm 2025

3.1.2.1. Quan điểm chỉ đạo về phát triển giáo dục và đào tạo trong các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Quốc phòng

Một là, thực hiện đúng quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam

Hai là, giáo dục và đào tạo trong các cơ sở GDDH trực thuộc BQP phát triển

Ba là, giáo dục và đào tạo trong các cơ sở GDDH trực thuộc BQP phải có chất lượng, hiệu quả góp phần tích cực vào phát triển nguồn nhân lực quốc gia

Bốn là, đưa giáo dục và đào tạo trong các cơ sở GDDH trực thuộc BQP từng bước phát triển đạt trình độ tiên tiến, mang truyền thống dân tộc, nghệ thuật quân sự Việt Nam

3.1.2.2. Mục tiêu chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Quốc phòng

(1) Đào tạo cán bộ cấp chiến lược (2) Đào tạo cán bộ cấp chiến dịch (3) Đào tạo cán bộ cấp chiến thuật, cán bộ quân sự địa phương (4) Đào tạo sau đại học (5) Đào tạo hạ sĩ quan, nhân viên chuyên môn kỹ thuật (6) Đào tạo học viên quốc tế.

3.1.3. Định hướng hoàn thiện quản lý tài sản công các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Quốc phòng

Một là, đổi mới công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục theo hướng gắn kết chặt chẽ với định hướng xây dựng, phát triển Quân đội và nền giáo dục quốc dân

Hai là, đẩy mạnh đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, phương pháp dạy học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, sát thực tiễn, mục tiêu xây dựng Quân đội hiện đại

Ba là, đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo; đầu tư hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học một cách hiệu quả.

Bốn là, tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo.

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRỰC THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG

Như phân tích trên, việc hoàn thiện và tăng cường năng lực quản lý TSC tại các cơ sở GDĐH trực thuộc Bộ Quốc phòng có liên quan đến nhiều chủ thể khác nhau. Việc tìm ra những hạn chế trong quản lý TSC tại các cơ sở GDĐH trực thuộc Bộ Quốc phòng và xác định các nguyên nhân của vấn đề không chỉ có chủ thể là các cơ sở đào tạo GDĐH trực thuộc Bộ quốc phòng mà còn có cả các cơ quan Nhà nước cấp trên. Do đó, đề xuất các giải pháp cần phải xuất phát từ thực tế này. Trong chương ba của luận án tập trung vào giải pháp của chủ thể chính và các kiến nghị đối với cơ quan nhà nước chủ quản.

3.2.1. Theo dõi chặt chẽ quá trình hình thành, mua sắm tài sản công

Thứ nhất, khai thác tốt nguồn lực để hình thành TSC

Thứ hai, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong mua sắm công

3.2.2. Đối với quá trình khai thác tài sản công

3.2.3. Tăng cường tính minh bạch và công khai trong quản lý tài sản công tại các cơ sở giáo dục Đại học trực thuộc Bộ Quốc phòng

Cần phải mở rộng ở cấp độ công khai, minh bạch tối thiểu là công khai, minh bạch trong nội bộ thì cơ chế hiện nay vẫn chưa thực sự hiệu quả.

3.2.4. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và giao dịch điện tử về tài sản công trong hệ thống các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Quốc phòng

Thống nhất quan điểm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chung về TSC trong khối các nhà trường, học viện trực thuộc bộ, hướng tới số hóa hệ thống TSC tất cả các đơn vị đào tạo trong hệ thống nhà trường quân đội.

3.2.5. Thiết kế quy trình chuẩn về quản lý TSC tại các đơn vị theo hướng thực tế xóa bỏ tính hình thức

Quy trình quản lý TSC cho dù có khác nhau ở mỗi nhà trường, học viện nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc về các bước: theo trình tự: Đầu tư mua sắm; khai thác, sử dụng; thanh lý tài sản.

3.2.6. Thực hiện mã hóa, cập nhật, kiểm kê thường xuyên, báo cáo định kỳ tình hình TSC

Cập nhật thông tin về TS, thống kê phân tích tình hình tài sản định kỳ cũng là những nội dung quản lý quan trọng, tác động đến hiệu quả quản lý TSC.

3.2.7. Nâng cao năng lực hệ thống kiểm soát nội bộ trong quản lý tài sản công

Hoạt động kiểm soát nội bộ được thiết kế nhằm hình thành một cơ chế phòng ngừa sai phạm trong quản lý TSC

3.2.8. Nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý tài sản công tại các cơ sở GDDH trực thuộc bộ Quốc phòng

Để nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý TSC, việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ công chức quản lý TSC của bản thân các cơ sở GDDH trực thuộc Bộ cần phải được quan tâm thực hiện đúng mức độ.

3.3. KIẾN NGHỊ VỚI BỘ QUỐC PHÒNG

3.3.1. Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công

3.3.2. Nâng cao năng lực quản lý tài sản công cho các cơ quan đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng

3.3.3. Tăng cường phân cấp thẩm quyền quyết định trong quyết định đầu tư, mua sắm tài sản

3.3.4. Phối hợp chặt chẽ, duy trì mối quan hệ thường xuyên giữa các cơ quan Bộ Quốc phòng trong quản lý TSC

3.3.5. Xây dựng cơ chế đặc thù cho các cơ sở GDDH trực thuộc BQP phục vụ các hoạt động làm kinh tế gắn với nhiệm vụ chính trị

KẾT LUẬN

Quản lý TSC các cơ sở GDDH trực thuộc Bộ Quốc phòng là vấn đề tương đối phức tạp, liên quan đến nhiều chủ thể khác nhau. Luận án bám sát mục đích, nhiệm vụ, đối tượng, phạm vi nghiên cứu và vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu, luận án đã có những đóng góp sau đây:

Luận án hệ thống hoá, phân tích làm phong phú và rõ thêm một số vấn đề lý luận về cơ sở giáo dục đại học công lập và quản lý TSC tại các cơ sở GDDH công lập như khái niệm và nội hàm của cơ sở GDDH công lập, đặc điểm TSC tại các cơ sở GDDH công lập; khái niệm, nguyên tắc và nội dung của quản lý TSC tại các cơ sở GDDH công lập; các nhân tố chủ quan và nhân tố khách quan ảnh hưởng đến quản lý TSC tại các cơ sở GDDH công lập. Có thể khẳng định, việc thống nhất về cơ chế, chính sách, chế độ quản lý; thực hiện tiêu chuẩn, định mức; thực hiện phân cấp trong quản lý TSC là những yêu cầu bắt buộc, giúp cho việc quản lý được hiệu quả hơn.

Trên cơ sở nghiên cứu và phân tích các quy định về khung pháp lý, các nguồn tài liệu của Chính phủ, Bộ Quốc phòng và các nguồn khác, luận án, đánh giá và phân tích, minh chứng rõ những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của thực trạng quản lý TSC tại các cơ sở GDDH trực thuộc Bộ Quốc phòng ở Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020 thông qua việc phân tích quá trình vận động của tài sản, từ khâu hình thành, sử dụng, khai thác tài sản đến khâu kết thúc sử dụng tài sản. Đồng thời, luận án cũng phân tích kinh nghiệm quản lý TSC các trường đại học quân đội ở một số quốc gia trên thế giới để rút ra các bài học kinh nghiệm việc quản lý TSC tại các nhà trường và học viện trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam.

Đề xuất các quan điểm định hướng và một số giải pháp nhằm nhằm hoàn thiện quản lý TSC tại các cơ sở GDDH trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam và nhóm các kiến nghị với Bộ Quốc phòng phù hợp với quan điểm quản lý TSC nói chung và quản lý TSC các cơ sở GDDH trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam nói riêng. Nhóm giải pháp tập trung vào quá trình quản lý TSC từ khâu hình thành, khai thác và kết thúc sử dụng TSC tại các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Quốc Phòng. Nhóm các kiến nghị thuộc về các đơn vị quản lý của Bộ Quốc Phòng với tư cách là các đơn vị quản lý nhà nước trực tiếp đối với các cơ sở GDDH trực thuộc Bộ Quốc Phòng.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Việt Bắc (2021), "Khai thác hiệu quả tài sản công tại các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Quốc phòng", *Tạp chí Nghiên cứu tài chính kế toán*, số 08(217), tr.31-34.
2. Nguyễn Việt Bắc (2021), "Quản lý tài sản công tại các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Quốc phòng", *Tạp chí Tài chính*, kỳ 1 (758), tr.61-63.